

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29/11/2005, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 01/2007/QH12 ngày 04/8/2007 và Luật số 27/2012/QH13 ngày 23/11/2012;

Căn cứ Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng;

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập;

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 920/TT-TTr ngày 24/9/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này quy định về kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An.

**Điều 2.** Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở ngành, Đoàn thể tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Thanh tra Chính phủ;
  - Cục KTVB QPPL-Bộ Tư pháp;
  - TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
  - CT, các PCT.UBND tỉnh;
  - Phòng NCTCD(NC);
  - Công TTĐT tỉnh, công báo;
  - Lưu: VT
- QD\_KE KHA

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hữu Lâm**

**QUY ĐỊNH**

**Về kê khai, công khai, xác minh tài sản, thu nhập của  
người có nghĩa vụ phải kê khai tại các cơ quan,  
tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Long An**  
(Kèm theo Quyết định số 1100/2014/QĐ-UBND ngày 02/10/2014  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về việc kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm; xác minh tài sản, thu nhập; xử lý vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập và trách nhiệm tổ chức thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

2. Các đơn vị trực thuộc cơ quan cấp tỉnh đóng trên địa bàn huyện thực hiện việc kê khai theo hệ thống tổ chức cơ quan cấp tỉnh.

3. Các cơ quan, đơn vị có tổ chức, bộ máy được quản lý tập trung thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo ngành dọc như: Công an, Quân đội, Viện kiểm sát, Tòa án, Thuế, Kho bạc, Hải quan, Ngân hàng, Thi hành án, Bảo hiểm xã hội thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật và quy định của hệ thống tổ chức ngành dọc.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bao gồm:

a) Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND) chuyên trách, người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu HĐND, người được dự kiến bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, HĐND.

b) Cán bộ, công chức từ phó trưởng phòng của Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện trở lên và người được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương trong cơ quan, đơn vị của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức, đơn vị khác được giao biên chế và có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước.

c) Người giữ chức vụ tương đương phó trưởng phòng trở lên tại các đơn vị sự nghiệp công lập như: bệnh viện, cơ quan báo, tạp chí, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có sử dụng ngân sách, tài sản của nhà nước, ban quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

d) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, người giữ chức vụ tương đương phó trưởng phòng trở lên trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề của nhà nước.

đ) Thành viên hội đồng quản trị, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên, người giữ chức danh quản lý tương đương từ phó trưởng phòng trở lên trong doanh nghiệp nhà nước; người được cử làm đại diện phần vốn của nhà nước, phần vốn của doanh nghiệp nhà nước và giữ chức danh quản lý từ phó trưởng phòng trở lên trong doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước, doanh nghiệp nhà nước.

e) Bí thư, phó bí thư Đảng ủy, chủ tịch, phó chủ tịch HĐND, chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên UBND xã, phường, thị trấn, chỉ huy trưởng quân sự, công chức địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), công chức địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), công chức tài chính - kế toán, tư pháp - hộ tịch xã, phường, thị trấn, trưởng công an xã.

g) Thanh tra viên, công chứng viên nhà nước.

i) Công chức, viên chức không giữ chức vụ trong các cơ quan của Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập nhưng được bố trí thường xuyên làm các công việc quản lý ngân sách, tài sản của nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong các lĩnh vực quy định tại Mục A, B Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ (Nghị định số 78/2013/NĐ-CP).

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc kê khai, công khai, giải trình, xác minh tài sản, thu nhập, xử lý vi phạm các quy định về minh bạch tài sản thực hiện quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 3. Tài sản, thu nhập phải kê khai**

1. Tài sản, thu nhập phải kê khai được quy định tại Điều 8 Nghị định số 78/2013/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập (Thông tư số 08/2013/TT-TTCP).

2. Tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản, thu nhập thuộc sở hữu hoặc quyền sử dụng của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật) tại thời điểm hoàn thành bản kê khai tài sản, thu nhập.

3. Giá trị tài sản, thu nhập kê khai được tính bằng tiền phải trả khi mua, khi nhận chuyển nhượng, xây dựng hoặc giá trị ước tính khi được cho, tặng, thừa kế.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP**

#### **Điều 4. Nguyên tắc kê khai tài sản, thu nhập**

Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập phải kê khai trung thực, đầy đủ, rõ ràng, đúng thời hạn các thông tin về số lượng, giá trị tài sản, thu nhập và những biến động về tài sản, thu nhập phải kê khai và tự chịu trách nhiệm về những thông tin đã kê khai.

#### **Điều 5. Trình tự kê khai tài sản, thu nhập**

1. Hàng năm, chậm nhất là ngày 30 tháng 11, các cơ quan, tổ chức, đơn vị giao bộ phận phụ trách công tác tổ chức, cán bộ thực hiện:

a) Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt; danh sách phải xác định rõ đối tượng thuộc cấp ủy quản lý, đối tượng thuộc cấp trên quản lý, đối tượng thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý;

b) Gửi danh sách người có nghĩa vụ kê khai đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

c) Gửi mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP), hướng dẫn và yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được mẫu bản kê khai, người có nghĩa vụ kê khai phải hoàn thành việc kê khai, nộp 01 bản về bộ phận phụ trách công tác tổ chức, cán bộ và lưu cá nhân 01 bản.

3. Bộ phận phụ trách công tác tổ chức, cán bộ tiếp nhận, kiểm tra, sao lục, gửi, lưu, quản lý bản kê khai như sau:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản kê khai, phải kiểm tra tính đầy đủ về nội dung phải kê khai; trường hợp bản kê khai chưa đúng mẫu quy định thì yêu cầu kê khai lại, thời hạn kê khai lại là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu;

b) Sao lục, gửi và lưu bản kê khai được quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

4. Việc kê khai tài sản, thu nhập phải hoàn thành chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm kê khai. Việc giao nhận bản kê khai phải hoàn thành chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 của năm sau. Bộ phận tổ chức, cán bộ mở sổ theo dõi việc giao, nhận bản kê khai.

5. Trình tự, thủ tục kê khai tài sản, thu nhập của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định của Hội đồng bầu cử.

#### **Điều 6. Quản lý, khai thác, sử dụng bản kê khai**

1. Bản kê khai được lưu giữ cùng hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức. Khi người có nghĩa vụ kê khai được điều động sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì bản kê khai của người đó được chuyển giao cùng hồ sơ cán bộ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mới. Khi người có nghĩa vụ kê khai nghỉ hưu, thôi việc thì bản kê khai của người đó được lưu giữ theo quy định về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức,

viên chức.

2. Bản kê khai được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Phục vụ cho việc bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập;

b) Phục vụ cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền trong việc công khai, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, xác minh, kết luận, xử lý về hành vi tham nhũng;

c) Phục vụ yêu cầu khác liên quan đến công tác tổ chức, cán bộ.

3. Bản kê khai của cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên được quản lý theo quy định tại quyết định này và các quy định của Đảng.

4. Khi cần khai thác, sử dụng bản kê khai đã lưu cùng hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người thực hiện việc khai thác, sử dụng phải có giấy giới thiệu, văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền, có nhu cầu khai thác, sử dụng, trong đó ghi rõ họ tên, chức vụ của người khai thác, sử dụng và mục đích của việc khai thác, sử dụng.

5. Việc khai thác, sử dụng bản kê khai được tiến hành tại cơ quan quản lý bản kê khai; nếu cần thiết phải khai thác, sử dụng tại nơi khác thì phải được sự đồng ý của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý bản kê khai và phải có biên bản giao nhận bản kê khai.

#### **Điều 7. Giải trình về nguồn gốc tài sản tăng thêm**

1. Người có nghĩa vụ kê khai tự giải trình và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, kịp thời của những thông tin về nguồn gốc tài sản biến động (tăng hoặc giảm) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

Việc tự giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập nói trên được thực hiện ngay khi kê khai tài sản theo quy định tại mẫu bản kê khai.

2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thực hiện giải trình về việc kê khai tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 78/2013/NĐ-CP và Điều 15 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

### **Chương III**

#### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI**

#### **Điều 8. Nguyên tắc công khai bản kê khai**

1. Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai phải công khai với toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc.

2. Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ngoài việc công khai tại nơi thường xuyên làm việc còn phải công khai tại hội nghị cử tri theo quy định của Hội đồng bầu cử.

3. Bản kê khai của người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân công khai với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp theo quy định của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân.

4. Chánh Văn phòng cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp (tỉnh, huyện) tổ chức công khai bản kê khai của Bí thư, Phó bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và những người làm việc thường xuyên tại cơ quan do mình quản lý.

5. Bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai là đại diện phần vốn của Nhà nước, của doanh nghiệp nhà nước và giữ chức danh từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên trong doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước, doanh nghiệp nhà nước thì công khai tại cơ quan, doanh nghiệp cử người đó làm đại diện.

6. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phạm vi công khai, hình thức công khai (niêm yết hoặc công bố tại cuộc họp) bản kê khai của người có nghĩa vụ kê khai đang công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý.

7. Thời điểm công khai được thực hiện trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành việc kiểm tra bản kê khai quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

#### **Điều 9. Trình tự, thủ tục công khai bản kê khai**

1. Hàng năm, bộ phận phụ trách công tác tổ chức, cán bộ phải xây dựng, trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phê duyệt kế hoạch công khai bản kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

2. Nội dung kế hoạch công khai bản kê khai bao gồm:

a) Lựa chọn hình thức, phạm vi công khai phù hợp với điều kiện, đặc điểm về tổ chức, hoạt động, quy mô của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Xác định các nhiệm vụ phải thực hiện:

Nếu công khai bằng hình thức niêm yết cần phải xác định vị trí niêm yết, danh sách người kê khai phải niêm yết ở từng vị trí, phương án bảo vệ, tổ chức thu nhận thông tin phản hồi, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc niêm yết.

Nếu công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp cần phải xác định danh sách người kê khai tương ứng với phạm vi công khai quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP; thời gian, địa điểm cuộc họp, người chủ trì, thành phần cuộc họp, tổ chức tiếp nhận phản ánh, trình tự tiến hành cuộc họp;

c) Thời gian triển khai việc công khai; phân công thực hiện; biện pháp đảm bảo thực hiện.

3. Phổ biến kế hoạch công khai được phê duyệt, kèm theo danh sách và bản sao các bản kê khai gửi các đơn vị trực thuộc.

4. Các đơn vị tổ chức thực hiện kế hoạch công khai, lập báo cáo việc thực hiện gửi về bộ phận tổ chức cán bộ.

5. Bộ phận tổ chức, cán bộ tiến hành tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

#### **Điều 10. Công khai bản kê khai bằng hình thức niêm yết**

1. Niêm yết bản kê khai được áp dụng trong điều kiện cơ quan, tổ chức, đơn vị có địa điểm niêm yết đảm bảo an toàn, không làm mất, rách, nát và đủ điều kiện để mọi người trong cơ quan, đơn vị có thể xem các bản kê khai; thời gian niêm yết tối thiểu là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

2. Địa điểm niêm yết: cơ quan, tổ chức, đơn vị quy mô nhỏ, trụ sở làm việc tập trung thì niêm yết tại trụ sở làm việc; cơ quan, tổ chức, đơn vị quy mô lớn, có nhiều đơn vị trực thuộc thì niêm yết tại nơi làm việc của từng đơn vị trực thuộc; tại mỗi địa điểm niêm yết phải có bản danh sách những người có nghĩa vụ kê khai và bản kê khai tương ứng.

3. Việc niêm yết bản kê khai phải lập thành biên bản để ghi nhận địa điểm niêm yết, thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc niêm yết và các phản ánh liên quan đến nội dung bản kê khai (nếu có); việc lập biên bản phải có sự tham gia của đại diện ban chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị.

#### **Điều 11. Công khai bản kê khai tại cuộc họp**

1. Việc công khai tại cuộc họp phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Cuộc họp công khai bản kê khai phải đảm bảo đủ thời lượng, số lượng người dự cuộc họp tối thiểu 70% số người thuộc phạm vi phải triệu tập;

b) Người được giao nhiệm vụ tổ chức cuộc họp có thể phân công một người đọc các Bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình, phải ghi biên bản cuộc họp với sự tham gia của đại diện ban chấp hành công đoàn cơ quan, tổ chức, đơn vị; biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có);

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức, kiểm tra việc thực hiện công khai tại cuộc họp; trường hợp phát hiện đơn vị được giao tổ chức cuộc họp không đáp ứng yêu cầu thì yêu cầu họp lại và kiểm điểm trách nhiệm người được giao tổ chức cuộc họp.

2. Phạm vi công khai:

a) Cán bộ, công chức giữ chức vụ Bí thư, Phó bí thư, Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; thường trực cấp ủy, ủy viên thường trực Hội đồng nhân dân; trưởng các ban của cấp ủy, trưởng các ban của Hội đồng nhân dân, các thành viên khác của cấp ủy, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã công khai trước đối tượng ghi phiếu tín nhiệm để lấy phiếu tín nhiệm hàng năm theo quy định tại Quy định số 165 QĐ/TW ngày 18/2/2013 của Bộ Chính trị;

b) Giám đốc, phó giám đốc sở, ngành và tương đương, trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công khai trước cán bộ lãnh đạo cấp phòng và tương đương trở lên trực thuộc sở, ngành, cơ quan, đơn vị đó;

c) Người đại diện phần vốn của nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước và giữ chức danh từ phó trưởng phòng và tương đương trở lên trong doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước thì tùy theo vị trí công tác ở nơi cử mình làm đại diện mà công khai bản kê khai tại công ty. Việc công khai được thực hiện trước ủy viên hội đồng thành viên (quản trị), giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng. Trường hợp người đại diện phần vốn của nhà nước là cán bộ, công chức, viên chức thì công khai bản kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 78/2013/NĐ-CP.

d) Người có nghĩa vụ kê khai không thuộc diện quy định tại các điểm trên đây thì công khai trước toàn thể công chức, viên chức thuộc phòng, ban, đơn vị. Nếu biên chế của phòng, ban, đơn vị có từ 50 người trở lên và có tổ, đội, nhóm thì công khai trước tổ, đội, nhóm trực thuộc phòng, ban, đơn vị đó.

#### **Chương IV**

### **TRÌNH TỰ XÁC MINH TÀI SẢN, THU NHẬP**

#### **Điều 12. Xác minh tài sản, thu nhập**

Về căn cứ xác minh; thẩm quyền yêu cầu xác minh; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành quyết định xác minh; cơ quan, đơn vị tiến hành xác minh thực hiện theo Điều 11, 12, 13, 14 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

#### **Điều 13. Quy trình xác minh tài sản, thu nhập**

1. Trước khi ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ra quyết định xác minh phải có văn bản yêu cầu người được xác minh giải trình về nội dung đã kê khai tài sản, thu nhập của mình.

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu giải trình, người được yêu cầu phải có văn bản giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh (nếu có) về các nội dung được yêu cầu giải trình.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải trình của người được yêu cầu, người có thẩm quyền quyết định xác minh có trách nhiệm xem xét, đánh giá giải trình của người có nghĩa vụ giải trình. Văn bản giải trình và tài liệu kèm theo (nếu có) nếu thể hiện rõ ràng, hợp lý các nội dung yêu cầu thì người có thẩm quyền quyết định xác minh ban hành kết luận về sự minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP, nếu chưa thể hiện rõ ràng, hợp lý các nội dung yêu cầu thì quyết định xác minh tài sản, thu nhập.

2. Thời hạn xác minh là 15 ngày làm việc, trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc. Trong quá trình xác minh tài sản, thu nhập, người xác minh tiến hành các hoạt động sau: nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên

quan đến nội dung xác minh; làm việc trực tiếp với người được xác minh; xác minh tại chỗ đối với tài sản, thu nhập được xác minh; làm việc với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu về tài sản, thu nhập được xác minh; làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn - kỹ thuật về tài sản, thu nhập được xác minh để đánh giá, giám định tài sản, thu nhập đó; làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác để phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập; hoạt động khác cần thiết cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

Các buổi làm việc giữa người xác minh với người được xác minh, giữa người xác minh với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan phải được lập biên bản.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc xác minh, người xác minh phải có báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập gửi người ban hành quyết định xác minh.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xác minh hoặc nhận được giải trình đã rõ ràng, hợp lý các nội dung yêu cầu của người dự kiến được xác minh thì người đã ban hành quyết định xác minh hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý người có nghĩa vụ kê khai phải ban hành kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập.

a) Nội dung kết luận về sự minh bạch phải nêu rõ sự phù hợp hay không phù hợp giữa bản kê khai và kết quả xác minh. Trường hợp kết quả xác minh và bản kê khai có sự sai lệch về số lượng tài sản, thu nhập, thông tin mô tả về tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập, nguồn gốc tài sản tăng thêm thì kết luận kê khai không trung thực; quyết định hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý người kê khai không trung thực.

b) Kết luận về sự minh bạch phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền yêu cầu xác minh và người được xác minh.

5. Trường hợp người được xác minh tài sản, thu nhập đề nghị xem xét lại kết luận về sự minh bạch thì người có thẩm quyền kết luận có trách nhiệm xem xét và trả lời trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.

Trường hợp người được xác minh không đồng ý với kết luận về sự minh bạch thì kiến nghị người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của người đã ban hành kết luận về sự minh bạch xem xét giải quyết. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, người nhận được kiến nghị phải xem xét và trả lời bằng văn bản cho người được xác minh; nếu xét thấy kết luận về sự minh bạch là chính xác, khách quan thì yêu cầu người được xác minh chấp hành kết luận; nếu xét thấy kết luận về sự minh bạch chưa chính xác, khách quan thì yêu cầu người đã ban hành kết luận về sự minh bạch xem xét lại kết luận về sự minh bạch.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu công khai bản kết luận về sự minh bạch của cơ quan, tổ chức đã yêu cầu xác minh, người đã ban hành kết luận xác minh phải công khai bản kết luận đó.

Đối với việc xác minh tài sản, thu nhập phục vụ cho việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật hoặc khi có hành vi tham nhũng thì người đã ban hành kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập phải công khai ngay bản kết luận đó.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 14. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc kê khai, công khai, xác minh, quản lý bản kê khai**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có trách nhiệm:

a) Phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị mình trước ngày 30 tháng 11 hàng năm;

b) Chỉ đạo, tổ chức việc kê khai, công khai kịp thời, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Nghị định 78/2013/NĐ-CP và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP và quyết định này;

c) Chỉ đạo, tổ chức việc quản lý, sử dụng, khai thác bản kê khai theo quy định nhằm phát hiện vi phạm, xác minh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, xử lý người vi phạm, công khai kết luận xác minh, báo cáo về minh bạch tài sản, thu nhập theo đúng quy định Luật Phòng, chống tham nhũng, Nghị định 78/2013/NĐ-CP, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP và quyết định này;

c) Chỉ đạo xây dựng hồ sơ về minh bạch tài sản, thu nhập của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra, công tác phòng, chống tham nhũng;

d) Chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng bản kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác, sử dụng bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Thông tư số 08/2013/TT-TTCP.

Xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập; định kỳ báo cáo kết quả về cơ quan Thanh tra cùng cấp theo quy định.

**Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo kết quả minh bạch tài sản, thu nhập:**

1. Ở cấp tỉnh:

a) Người đứng đầu cơ quan thuộc HĐND, UBND, cơ quan của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, cơ quan cấp tỉnh của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội có trách

nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thực hiện, tổng hợp kết quả việc kê khai tài sản thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện quản lý của mình; theo định kỳ gửi báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh;

b) Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy quản lý bản kê khai, tổng hợp kết quả kê khai đối với những người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, định kỳ gửi số liệu tổng hợp kết quả kê khai về Thanh tra tỉnh;

c) Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai đang công tác tại các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước; định kỳ gửi báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh;

d) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tổng hợp kết quả xác minh, kết luận, công khai và xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; định kỳ gửi báo cáo kết quả về Thanh tra tỉnh;

đ) Thanh tra tỉnh hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra và tổng hợp kết quả kê khai, công khai bản kê khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của tỉnh.

### 3. Ở cấp huyện:

a) Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thuộc HĐND, UBND, cơ quan của Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn có trách nhiệm tổ chức, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp kết quả việc kê khai tài sản thu nhập, quản lý bản kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện quản lý của mình; định kỳ gửi báo cáo kết quả về Thanh tra huyện;

b) Ban Tổ chức huyện ủy, thị ủy, thành ủy quản lý bản kê khai, tổng hợp kết quả kê khai đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ huyện ủy quản lý; định kỳ gửi số liệu tổng hợp kết quả kê khai về Thanh tra cấp huyện;

c) Cơ quan Nội vụ cấp huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp kết quả kê khai, xác minh, kết luận và xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai đang công tác tại tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản nhà nước ở cấp huyện; định kỳ gửi báo cáo kết quả về Thanh tra cấp huyện;

d) Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, thị ủy, thành ủy tổng hợp kết quả xác minh, kết luận, công khai, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập đối với người có nghĩa vụ kê khai thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý; định kỳ gửi số liệu tổng hợp về Thanh tra cấp huyện;

đ) Thanh tra cấp huyện hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra và tổng hợp kết quả kê khai, công khai bản kê khai, xác minh, kết luận, xử lý vi phạm về minh bạch tài sản, thu nhập trong phạm vi quản lý của cấp huyện, định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện để gửi báo cáo về Thanh tra tỉnh.

**Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện quyết định này;

2. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Thanh tra tỉnh để nghiên cứu, kiến nghị UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đỗ Hữu Lâm**